

Bản án số: **21/2019/HS-ST**

Ngày: 12/06/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đức Bình và ông Ngô Gia Khánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hà, thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Phạm Anh Tuấn, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 06 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 22/2019/TLST-HS ngày 08 tháng 05 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2019/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 05 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Mai Trung D**, sinh năm 1982; giới tính: nam; nơi sinh: huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: xóm 3A, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Mai Văn H (Mai Công H), sinh năm 1958 và bà Dư Thị L, sinh năm 1958; Có vợ Tống Thị L, sinh năm 1984 và 02 con lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2017.

Tiền sự : không. Tiền án: tại bản án số 19/2015/HSST ngày 26/5/2015 bị TAND huyện Y, tỉnh Ninh Bình xử phạt 27 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; ngày 04/8/2017 Mai Trung D đã chấp hành xong bản án; chưa được xóa án tích.

Lịch sử bản thân:

+ Tại bản án số 09/2007/HSST ngày 24/4/2007, TAND huyện Y, tỉnh Ninh Bình xử phạt 06 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”, phải nộp 50.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 74.000đ án phí dân sự; Mai Trung D đã chấp hành xong toàn bộ bản án ngày 11/7/2007.

+ Tại bản án số 17/2012/HSST ngày 14/6/2012, TAND huyện Y, tỉnh Ninh Bình xử phạt 12 tháng cải tạo không giam giữ và 200.000đ án phí về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, do không có điều kiện nộp án phí ngày

01/3/2018 Chi cục thi hành án dân sự huyện Y đã ra Quyết định chỉ thi hành án dân sự đối với Mai Trung D.

+ Ngày 19/3/2015, Công an huyện Y, tỉnh Ninh Bình ra quyết định xử lý vi phạm hành chính, phạt cảnh cáo Mai Trung D về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 19/02/2019 chuyển tạm giam từ ngày 20/02/2019 cho đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình. Có mặt tại phiên tòa.

- **Người bị hại:** Cháu Nguyễn Thị Hương L, sinh ngày 23/10/2001; trú tại: tổ 2, phố N, thị trấn P, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện hợp pháp của người bị hại: Chị Nguyễn Thị Thanh A, sinh năm 1980 (mẹ đẻ); trú tại tổ 2, phố N, thị trấn P, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt tại phiên tòa.

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

+ Chị Tống Thị N, sinh năm 1973; trú tại : phố T, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt tại phiên tòa.

+ Anh Nguyễn Văn A, sinh năm 1987; trú tại: số nhà 76, phố P, phường P, thành phố N, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt tại phiên tòa.

- **Người tham gia tố tụng khác :**

+ Bà Dur Thị L, sinh năm 1958; trú tại: xóm 3A, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt tại phiên tòa.

+ Ông Ngô Văn T, sinh năm 1960; trú tại: xóm 3, xã Â, huyện K , tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 16/02/2019, Mai Trung D điều khiển xe mô tô kiểu xe Wave BKS 35N7-6982 màu trắng đi từ xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình theo QL 10 xuống huyện K chơi. Khi D đến đoạn đường thuộc khu vực xóm 3, xã Â, huyện K, tỉnh Ninh Bình, Dừng thấy đi phía trước cùng chiều về thị trấn P có chị Nguyễn Thị Thanh A đang điều khiển xe mô tô chở sau 02 người con là các cháu Nguyễn Thành L (SN 2014) và cháu Nguyễn Thị Hương L (SN 2001); cháu L ngồi sau cùng trên người có đeo 01 túi sách màu mận chín dạng hình hộp chữ nhật loại khóa kéo, mặt trước có chữ D&G có dây đeo chéo từ vai bên trái sang hông bên phải.

Thấy trên đường vắng vẻ và nghĩ trong túi sách của cháu L có tài sản có giá trị nên D nảy sinh ý định giật chiếc túi sách của cháu L để lấy tài sản bên trong. D điều khiển xe mô tô của mình sang phía hông bên phải của cháu L và cho xe áp sát vào xe chị A, khi xe D gần ngang với xe chị A và ngang vị trí ngồi của cháu L, D nhanh chóng dùng tay trái giật mạnh túi sách của cháu L làm túi sách bị đứt dây rời hông cháu L. Sau khi giật được chiếc túi của cháu L, D tăng ga chạy xe theo hướng về thị trấn P, huyện K; khi đến cầu T, thuộc phố T, thị trấn P, D dừng xe mở chiếc túi sách vừa cướp giật của cháu L ra xem thấy trong túi có 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy j6+ màu đỏ đen được ốp bằng chiếc ốp lưng bằng nhựa màu đen in hình một cô gái, một chùm chìa khóa gồm 02 chiếc chìa khóa, ngoài ra không còn gì khác. D

lấy điện thoại bỏ vào túi quần phía trước bên phải, còn chiếc túi xách bên trong có chùm chìa khóa D vứt xuống sông T, sau đó điều khiển xe về nhà. Sáng ngày 18/02/2019 D mang chiếc điện thoại đã cướp giật của cháu L đến cửa hàng dịch vụ cầm đồ của chị Tống Thị N bán chiếc điện thoại này với giá 2.500.000đ, số tiền trên D đã tiêu xài cá nhân hết.

Sau khi sự việc xảy ra ngày 18/2/2019 chị Nguyễn Thị Thanh A và cháu Nguyễn Thị Hương L có đơn trình báo nội dung vụ việc trên tới Cơ quan Công an huyện K, đồng thời giao nộp 01 vỏ hộp điện thoại di động của chiếc điện thoại bị chiếm đoạt, 01 hóa đơn mua điện thoại và 01 sợi dây đeo túi sách giả da màu mận chín.

Ngày 19/02/2019, Mai Trung D đến trụ sở Công an huyện K xin tự thú đồng thời tự nguyện giao nộp xe mô tô kiểu xe Wave BKS 35N7-6982, 01 đôi dép da màu nâu trên quai dép có mác in chữ “AI3C”, 01 quần dài cạp chun màu nâu trên ống quần bên trái có chữ “T90” màu trắng. Chị Tống Thị N tự nguyện giao nộp chiếc điện thoại mà D cướp giật của cháu L.

Về chiếc túi sách màu mận chín, loại khóa kéo, mặt trước có chữ D&G và chùm chìa khóa gồm 02 chiếc chìa khóa để trong túi sách D vứt xuống sông T, Cơ quan Công an huyện K đã tổ chức truy tìm nhưng không thu hồi lại được.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 08/HĐ-ĐG ngày 13/3/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện K kết luận: Chiếc điện thoại di động SAMSUNG J6+ màu đỏ đen có giá trị còn lại là 3.410.000đ, chiếc ốp điện thoại Samsung Galaxy 6+ bằng nhựa màu đen có giá trị còn lại là 47.000đ, chiếc túi sách màu mận chín có giá trị còn lại là 79.000đ. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 3.536.000đ.

Về trách nhiệm dân sự do đã nhận lại chiếc điện thoại và ốp lưng còn chiếc túi xách và chùm chìa khóa do không đáng giá nên cháu Nguyễn Hương L và chị Nguyễn Thị Thanh A không có đề nghị bồi thường tài sản này. Chị Tống Thị N yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 2.500.000đ mà chị đã mua chiếc điện thoại của D đã cướp giật được.

Tại Cơ quan cảnh sát điều tra cũng như tại phiên tòa Mai Trung D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Bản cáo trạng số 23/CT-VKS ngày 5/5/2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố bị cáo Mai Trung D về tội “Cướp giật tài sản” theo khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố theo nội dung cáo trạng và đề nghị HĐXX:

- Tuyên bố: bị cáo Mai Trung D về tội “Cướp giật tài sản”.
- Áp dụng: điểm d khoản 2 Điều 171; điểm h, khoản 1 Điều 52; điểm r, s khoản 1 Điều 51 BLHS . Xử phạt bị cáo từ 42 (bốn mươi hai) đến 48 (bốn mươi tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 19/02/2019.
- Căn cứ Điều 47 BLHS 2015; Điều 106, 136 BLTTHS 2015; Điều 584, 585, 586 BLDS Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.
- + Buộc bị cáo D phải bồi thường cho chị Tống Thị N số tiền 2.500.000đ.

+ Trả lại cho cháu Nguyễn Thị Hương L 01 vỏ hộp điện thoại di động, 01 hóa đơn mua điện thoại, 01 sợi dây đeo túi sách giả da màu mận chín.

+ Trả lại cho bị cáo 01 đôi dép da màu nâu trên quai dép có mác in chữ “AI3C”, 01 quần dài cạp chun màu nâu trên ống quần bên trái có chữ “T90” màu trắng.

+ Buộc bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung của vụ án, căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo Mai Trung D thừa nhận hành vi của mình thực hiện như tóm tắt nội dung vụ án của Tòa án; Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan còn được chứng minh qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét công khai tại phiên tòa hôm nay như bản kết luận định giá tài sản số 08/HĐ-ĐG ngày 13/3/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong TTHS huyện K và vật chứng thu giữ được là chiếc điện thoại di động SAMSUNG J6+ màu đỏ đen.

Từ những chứng cứ đó, đã có đầy đủ cơ sở kết luận khoảng 19 giờ ngày 16/02/2019 tại đoạn đường thuộc khu vực xóm 3, xã Á, huyện K, tỉnh Ninh Bình, Mai Trung D đã có hành vi sử dụng xe mô tô kiểu xe Wave BKS 35N7-6982 màu trắng giật chiếc túi sách trong túi có 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy j6+ màu đỏ đen được ốp bằng chiếc ốp lưng bằng nhựa màu đen in hình một cô gái, một chùm chìa khóa gồm 02 chiếc chìa khóa có tổng giá trị 3.536.000đ; Hành vi đó của bị cáo Mai Trung D đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp giật tài sản” quy định tại điểm d khoản 1 Điều 171 Bộ luật hình sự.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, hành vi đó của bị cáo cần được xử lý nghiêm.

Về tình tiết tăng nặng: Tại bản án số 19/HSST ngày 26/01/2015 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình xử phạt bị cáo 27 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” chưa được xóa án tích tiếp tục phạm tội mới là tình tiết tăng nặng “Tái phạm” quy định tại điểm h, khoản 1, Điều 52 BLHS.

Các tình tiết giảm nhẹ: Sau khi phạm tội do ân hận bị cáo đã đến Công an huyện K tự thú hành vi phạm tội của mình thực hiện ngày 16/02/2019, trước khi Công an huyện K phát hiện bị cáo là người thực hiện; Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm r, s khoản 1 Điều 51 BLHS 2015.

Khi lượng hình HĐXX xét: bị cáo D là người có nhân thân xấu, hiện đang còn tiền án chưa được xóa án tích nhưng không lấy đó làm bài học sửa chữa lỗi lầm, còn tiếp tục phạm tội nghiêm trọng do cố ý; xét mức độ hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện là nghiêm trọng cũng như nhân thân của bị cáo HĐXX thấy cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn, buộc bị cáo phải cách ly xã hội một thời gian tương xứng với hành vi phạm tội nhằm giáo dục cải tạo bị cáo cũng như răn đe, phòng ngừa chung.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Chiếc điện thoại bị cáo cướp giật được đã bán cho chị Tống Thị N đã thu hồi trả cho người bị hại không có yêu cầu nào khác nên HĐXX không xem xét.

Đối với số tiền 2.500.000 đồng mà bị cáo bán chiếc điện thoại và đã tiêu xài cá nhân hết không thu hồi được, chị Tống Thị N yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 2.500.000 đồng chị đã mua chiếc điện thoại mà bị cáo cướp giật được. Xét thấy việc chị N mua không biết chiếc điện thoại đó do bị cáo cướp giật được mà có; Căn cứ các Điều 584, 585, 586 BLDS cần buộc bị cáo bồi thường cho chị N số tiền trên.

[4] Về xử lý vật chứng: Đối với số vật chứng cơ quan điều tra đã thu giữ thì thấy rằng:

Đối với 01 vỏ hộp điện thoại di động của chiếc điện thoại bị chiếm đoạt, 01 hóa đơn mua điện thoại, 01 sợi dây đeo túi sách giả da màu mận chín là tài sản riêng của cháu L. Trả lại cho cháu Nguyễn Thị Hương L.

01 đôi dép da màu nâu trên quai dép có mác in chữ “AI3C”, 01 quần dài cạp chun màu nâu trên ống quần bên trái có chữ “T90” màu trắng là tài sản riêng của bị cáo không liên quan đến vụ án cần trả lại cho bị cáo.

Đối với chiếc xe mô tô kiểu dáng wave BKS 35N7-6982 màu trắng đen là xe của Nguyễn Văn A mua lại của người thu mua sắt vụn không quen biết sau đó đem về sửa chữa để đi lại. Do D mượn xe của anh A để làm phương tiện đi lại bản thân anh A không biết D lấy xe để đi cướp giật tài sản. Kết quả tra cứu nguồn gốc xe không xác định được chủ sở hữu và xe này không nằm trong hệ thống lưu trữ xe máy vật chứng của các vụ án khác do vậy Cơ quan CSĐT tách phần vật chứng là chiếc xe nói trên để tiếp tục điều tra xác minh xử lý sau là phù hợp.

[5] Bị cáo phải chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật tại khoản 1, Điều 135 và khoản 2, Điều 136 BLTTHS; Nghị Quyết 326/2016/NQUBTVQH14. Bị cáo người bị hại, đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[6] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên Cơ quan điều tra Công an huyện K; Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Ng- ời tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, ng- ời tiến hành tố tụng do đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: điểm d khoản 2 Điều 171; điểm h, khoản 1 Điều 52; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 47 BLHS. Các Điều 584, 585, 586 BLDS.

Căn cứ : Khoản 2, khoản 3 Điều 106; khoản 2 điều 136 BLTTHS; Nghị Quyết 326/2016/NQUBTVQH14.

1. Tuyên bố: Bị cáo Mai Trung D phạm tội “Cướp giật tài sản”

Phạt bị cáo Mai Trung D 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày 19/02/2019.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Mai Trung D phải bồi thường cho chị Tống Thị N số tiền 2.500.000đ.

3. Xử lý vật chứng:

+ Trả lại cho cháu Nguyễn Thị Hương L 01 vỏ hộp điện thoại di động của chiếc điện thoại bị chiếm đoạt, 01 hóa đơn mua điện thoại, 01 sợi dây đeo túi sách giả da.

+ Trả lại cho bị cáo 01 đôi dép da màu nâu trên quai dép có mác in chữ “AI3C”, 01 quần dài cạp chun màu nâu trên ống quần bên trái có chữ “T90” màu trắng.

(chi tiết vật chứng như trong biên bản bàn giao giữa Cơ quan điều tra và chi cục Thi hành án dân sự huyện K ngày 06 /5 / 2019).

4. Án phí: Buộc bị cáo Mai Trung D phải nộp 200.000^d án phí hình sự sơ thẩm và 300.000^d án phí DSST.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hạn thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại, đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- THADS huyện K;
- Công an Huyện K,
- UBND xã K;
- Bị cáo; bị hại; đại diện hợp pháp của bị hại; người liên quan.
- Lưu: HS&VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thế Anh
(Đã ký)**